

ẢNH HƯỞNG CỦA BIỂU TƯỢNG VỀ ĐỨA CON TỚI QUAN HỆ HÔN NHÂN CỦA BỐ MẸ

Văn Thị Kim Cúc

Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Trong tâm thức người Việt Nam, từ truyền thống cho đến giai đoạn hiện nay, đứa con luôn có một vị trí vô cùng quan trọng đối với cặp vợ chồng, gia đình và dòng họ (Đỗ Long, 2000; Đào Hùng và cộng sự, 1989; Văn Thị Kim Cúc, 2001). Cùng với sự phát triển của xã hội và những sự thay đổi về qui mô, lối sống gia đình, những biểu tượng về đứa con có phần nào thay đổi, đứa trẻ được đánh giá tích cực hơn, được tôn trọng hơn, tuy nhiên, vị trí của trẻ trong quan hệ vợ chồng dường như không mấy thay đổi. Đứa con vẫn luôn luôn là cầu nối, là nhân tố tích cực gắn kết bố mẹ với nhau bằng sự hiện diện của nó và bằng các biểu tượng mà bố mẹ có về trẻ.

1. Biểu tượng xã hội về đứa trẻ nói chung

Trong xã hội xưa, đứa trẻ được xem là “ấu trĩ”, “con nít”, và do đó lớp 1 được gọi là “lớp vỡ lòng”, đứa trẻ sinh ra “vô tri, vô giác” (Phan Thị Đắc, 1966; Vũ Thị Chín, 1995) hay như “tờ giấy trắng, ngây thơ và rất dễ thương” (Lê Minh, 1995; Trần Thị Thanh Hà, 2000) và chính vì thế mà ta phải “dạy con từ thuở còn thơ” (tục ngữ Việt Nam) và dạy làm người là quan trọng trước hết “Tiên học lễ, hậu học văn”. Ngày nay, những biểu tượng này vẫn còn tồn tại, tuy tiến bộ hơn, có nghĩa là bên cạnh các biểu tượng ấy, nhiều người vẫn cho rằng trẻ ngày nay “hiếu biết nhiều”, “sớm nhận biết”. Khi được hỏi, chị C nói “thằng bé nhà tôi nó khôn lắm, dùng hồng làm gì qua mắt được nó”, hay như chị T “cháu mới hai tuổi mà gì cũng biết cô ạ”.

Người Việt Nam rất tin vào tính thật thà của trẻ “Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ” (tục ngữ Việt Nam) và tin vào khả năng của trẻ “Trẻ con hôm nay, thế giới ngày mai” (Phùng Ngọc Hùng, 1992).

Trong văn học Việt Nam, ta còn có các biểu tượng về những đứa trẻ gan dạ, anh hùng, dũng cảm như Kim Đồng, Lượm.... Đây là một mảng biểu tượng xã hội rất lớn, chúng tôi xin phân tích trong một dịp khác.

Có thể nói, chúng ta có các biểu tượng xã hội nói chung rất phong phú về đứa trẻ. Vậy đối với cặp bố mẹ Việt Nam, đứa trẻ có ý nghĩa như thế nào?

2. Biểu tượng về đứa con và ảnh hưởng của nó đến quan hệ hôn nhân của bố mẹ

Đứa con trong gia đình Việt Nam truyền thống cũng như hiện đại luôn luôn được xem là “của cải” của gia đình. Nếu như người nước ngoài hay dùng các thuật ngữ “con chim bé nhỏ”, “ngôi sao nhỏ bé”, “niềm hạnh phúc”,... thì người Việt Nam hay dùng các thuật ngữ “cục vàng”, “cục ngọc”, “cục kim cương”, “châu báu”, “ngọc ngà” để nói lên tính chất quý báu của đứa con đối với ông bố, bà mẹ. Chị C. trong khi chơi với con nựng con thế này “con trai của mẹ, cục cưng của mẹ, cục kim cương, châu báu, ngọc ngà của mẹ”. Cùng với nét mặt hân hoan, giọng nói dịu dàng, đối với bà mẹ, dường như cứ phải gắn đứa con với tất cả những vật chất quý giá nhất mới có thể lột tả tột cùng tình yêu thương gắn bó của chị đối với đứa con bé bỏng của mình, hay chị Ph. “thằng cu này của tôi a, là báu vật của mẹ đấy”, còn ông bố M “Tất nhiên con cái là kho báu rồi”. Những biểu tượng này về đứa trẻ như là thứ “vật chất” cụ thể, được so sánh với “vàng”: “Có vàng vàng chẳng hay phô, có con con nói bi bô cả ngày” (Ca dao Việt Nam), phải chăng phản ánh phần nào tư duy mang nặng tính “cụ thể” của người Việt và dường như cứ phải thông qua việc so sánh với “vật chất” người ta mới diễn đạt được tình cảm yêu thương, trân trọng của họ đối với đứa con của mình.

Con cái là của cải của bố mẹ, và là người “nối dõi tông đường”. Điều này đứa trẻ trai, đặc biệt đứa trẻ đầu tiên của gia đình được biết khi nó còn rất bé. Lúc người ta tối mừng khi đứa trẻ sinh ra, người ta thường nói “chúc mừng anh chị nhé, thế là có con nối dõi tông đường rồi” hay “chúc mừng ông bà nhé, thế là có cháu đích tôn rồi”. Nối dõi tông đường được hiểu là tiếp tục duy trì nòi giống và tiếp tục truyền thống của dòng họ hoặc nâng dòng họ lên ở một vị trí cao hơn. Không phải là câu nói của miệng, nhưng kể khi nào “day” con, các ông bố thường gửi cho con bức thông điệp đó. Anh M nói “tôi sinh ra trong một gia đình có dòng họ trước đây khá nổi tiếng là học giỏi, thành đạt, tôi muốn con tôi tiếp tục truyền thống này” hay như anh H “Tôi luôn mong muốn con tôi làm rạng danh dòng họ mình”. Chúng ta thấy, việc làm rạng danh dòng họ dường như được đặt lên vai của những đứa trẻ, vừa như là động lực, vừa như là áp lực đối với trẻ trong quá trình phát triển.

Cũng trong logic trên, con cái có thể “làm xấu mặt” hay “làm đẹp mặt” bố mẹ, dòng họ. Khi con ngoan, học giỏi, làm được việc tốt là lúc con “làm đẹp mặt” bố mẹ và khi con không ngoan, không giỏi, bị người đời chê trách tức là lúc con “làm xấu mặt” bố mẹ, dòng họ. Chính vì vậy, việc đứa con là người tốt, thành đạt trong cuộc sống chính là niềm tự hào và hạnh phúc của bố mẹ.

Đứa trẻ được coi trọng như vậy, do đó việc có nhiều con trong gia đình Việt Nam luôn luôn là mong ước của các cặp vợ chồng (Mai Huy Bích, 1987; Đỗ Long và Trần Hiệp, 1993; Boussat, 1996; Văn Thị Kim Cúc, 2001). Chính vì thế, trước khi Chính phủ có đề xuất “mỗi gia đình chỉ nên có một đến hai con” nhằm hạn chế việc dân số gia tăng quá nhanh, để chúc đôi tân hôn, người ta thường nói “con đàn, cháu đông nhé” và không ít các món quà của đám cưới thời bấy giờ là những bộ quần áo, dây dép trẻ sơ sinh. Theo quan niệm xưa, một trong các tội bất hiếu của người Việt Nam là không có con trai nối dõi, chính vì thế vô sinh được coi là một hiện tượng rất xấu, liên quan đến phúc, lộc của gia đình, dòng họ. Do vậy, việc có con nhưng các con đều là gái cả, cũng là một dấu hiệu không tốt của một gia đình, bởi cho rằng “con gái là con người ta”, chỉ có con trai mới có thể tiếp tục sự tồn tại của dòng họ. Lý lẽ như thế là bởi chỗ theo chế độ phụ hệ như dân tộc Việt Nam, con cái mang họ của người cha và chỉ có con trai thì mới tiếp tục làm cho họ của người cha này tồn tại và tiếp nối. Có thể đây cũng là một trong những lý do làm nảy sinh tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, đặc trưng đặc biệt trong xã hội cổ truyền, nhất là thời kì phong kiến. Ngày nay, biểu tượng này đã có phần thay đổi. Nếu như mong muốn có con vẫn rất mạnh mẽ ở các cặp vợ chồng (ít các cặp vợ chồng ở lại với nhau sau khi phát hiện ra một trong hai người bị vô sinh), thì việc chỉ có con gái không còn là một áp lực quá mạnh lên hôn nhân gia đình, họ có thể tìm nhiều cách để bằng lòng với thực tại ấy. Sự thay đổi này thể hiện phần nào trong nghiên cứu của Lê Thị ngay từ năm 1997: Khi được hỏi có nhất thiết phải có con trai không, 47.5% trả lời “có” (trong đó 56.8% nam và 43.2% nữ). 53.2% những người được hỏi cho rằng có con trai để tiếp tục thờ cúng tổ tiên và có đến 72.3% cần có con trai để nương tựa lúc về già.

Với tình cảm của cặp vợ chồng, đứa con sinh ra là cầu nối, gắn bó hai người với nhau. Chị T.A nói “vợ chồng em càng gần gũi với nhau hơn sau khi sinh cháu An, cứ mỗi lần nhìn thấy anh ấy kiên trì bày vẽ cho con, lòng em thấy ấm lại”. Chị Ph cho rằng “Vợ chồng em càng quấn quýt nhau hơn từ khi có em bé, chị ạ”.

Không những với các cặp vợ chồng bình thường, ngay cả với các cặp vợ chồng “cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt”, đứa con cũng biết cách để khiến cho bố mẹ gần gũi với nhau hơn. Anh T nói “sau khi cưới, tôi thấy cô ấy không hợp với tôi nhiều lắm, nhưng rồi có thằng cu Tun, nó khoẻ lắp được nhiều thứ, tôi bỏ qua cho cô ấy được nhiều thứ”, hay chị L.A “tôi với ông xã tôi tính tình không hợp nhau lắm, may mà có bé Cún, nó làm cho chúng tôi gần nhau hơn”. Còn K.T., chị nói “vợ chồng sao tránh được những lúc cãi nhau hờ hững, nhưng con bé nhà em buồn cười lắm, mỗi lần thấy bố mẹ không vui với nhau, nó dắt tay hai người, bắt bắt tay nhau, có khi nó còn dắt tay hai người bắt nằm bên cạnh nhau, bên cạnh cháu, lúc ấy thấy buồn cười rồi vợ chồng cũng lại làm

lành với nhau”. Rõ ràng, đứa trẻ đã làm cho bố mẹ thêm gắn bó với nhau, thậm chí nhiều khi còn hàn gắn những vết rạn nứt trong quan hệ bố mẹ.

Nhiều cặp vợ chồng sau một thời gian chung sống, do những va chạm, những xung đột muôn hình muôn vẻ không còn tình cảm yêu đương với nhau nữa. Tuy vậy, nói đến li hôn là họ rất ngại. Bên cạnh nguyên nhân kinh tế mà các nhà khoa học hay bàn đến, một nguyên nhân khá nổi trội khác là do các biểu tượng về đứa con. Để làm rõ điều này, chúng tôi tìm tới các gia đình có mâu thuẫn vợ chồng, và chỉ chọn các gia đình có điều kiện kinh tế.

Trước hết, nhiều người nghĩ, đã là đứa trẻ thì phải được sống trong môi trường có bố và mẹ, nếu không đứa trẻ sẽ không phát triển như nó có thể. Câu tục ngữ Việt Nam “Con có cha như nhà có nóc” dường như in đậm trong đầu óc họ.

Nếu đứa con còn nhỏ, họ lo lắng là nó sẽ buồn nếu bố mẹ chia tay nhau. Anh Ch. nói “nhiều lần tôi chỉ muốn bỏ quách cho xong, cứ dăm ba bữa, cô ấy lại mặt nặng mày nhẹ mà chuyện chả có gì cả, tôi thấy mệt mỏi, nhưng cứ nghĩ đến M.A (con gái ba tuổi), tôi lại không nỡ, không có tôi, nó sẽ buồn lắm, nó còn nhỏ bé thế kia... Thôi thì vì con bỏ qua cho cô ấy”.

Ngoài việc lo đứa con sẽ buồn khi bố mẹ chia tay nhau, người ta còn lo con cái sẽ bị ảnh hưởng tới các mặt khác. Chị H (có con gái đã đi học đại học nước ngoài và đứa con trai út đang học lớp 11) nói “mình thấy nhiều khi cũng chán lắm, chẳng còn thiết tha gì với nhau nữa, nhưng cứ nghĩ thương thằng Bòm, sợ nó bị ảnh hưởng bởi sự chia tay của bố mẹ, thôi cứ để cho nó học xong cấp ba đã”.

Một số bố mẹ khác sợ con sẽ khổ khi bố mẹ chia tay, bởi nó sẽ không sống với mình mà sống với bố (mẹ) nó, sợ nó không được hưởng những gì từ trước đến nay đã được hưởng, nhất là khi “người kia” đi bước nữa.

Nhiều người khác lại sợ con đánh giá sai về mình vì đã chia tay với bố hoặc mẹ. Anh Q nói “Thái độ của cô ấy đối với bố mẹ tôi làm tôi rất thất vọng, tôi thấy dần dần xa cách với cô ấy, nhưng cô ta không hiểu điều đó, lại cứ nói với con là tôi bỏ bịch, tôi thay đổi... Nhiều lúc tôi chỉ muốn ra toà cho xong. Nhưng tôi sợ con tôi sẽ nghĩ xấu, hiểu sai về tôi”. Và cứ với lý do vì con, để cho “con lớn đã” mà nhiều bố mẹ kéo dài thời gian chung sống gượng gạo bên nhau trong bầu không khí lạnh lùng, thậm chí cả căng thẳng, có thể lê thê theo năm tháng.

Nhiều bố mẹ khẳng định là rất gắn bó với con cái, đã quen với sự hiện diện của chúng, chia tay nhau, không những con cái sẽ buồn, khổ mà bản thân họ cũng sẽ rất buồn “Sống trong hoàn cảnh ông chẳng bà chuộc này, nhiều khi cũng chán lắm chị ạ, nhưng còn con Hương thì sao? Nó còn bé quá, xa bố nó sẽ buồn lắm, mà tôi cũng quen với tiếng bi bô, ríu rít mỗi khi đi làm về, tôi không

hình dung được mình sẽ buồn như thế nào nếu hàng ngày thiếu cháu” hay như chị V. “Chia tay nhau thì tôi sẽ nuôi một đứa, con nó tan đàn xẻ nghé, mình cũng nhớ nhưng đứa kia chị ạ, thôi, cố chịu vậy”.

Một số người khác còn đi xa hơn, họ nghĩ đến vai trò “nối dõi tông đường” của đứa con trai “Tôi chỉ có một thằng con trai chị ạ, nếu chia tay nhau, cháu sẽ chọn ở với mẹ và em gái, bản thân tôi là đàn ông, công việc lại bận rộn, không thể lo lắng chăm sóc hàng ngày cho các cháu được. Mà tôi lại là con trai một của bố mẹ tôi, chị bảo bỏ vợ sao được, thế thì con mình, dòng họ mình sẽ như thế nào? Thôi đành cứ sống thế vậy”.

Qua những phân tích trên đây, chúng ta có thể hiểu rằng, biểu tượng về đứa trẻ đã có những thay đổi, tuy không phải là những thay đổi căn bản, đặc biệt đối với cặp bố mẹ, con cái luôn luôn là vô cùng quý giá, là nhỏ bé, cần được bảo vệ, được che chở cho dù chúng đã lớn. Từ đó, chúng ta cũng thấy con cái liên quan chặt chẽ với độ bền vững hôn nhân, với sự tồn tại của cặp bố mẹ. Việc có con hay không có con, cuộc sống vật chất, tinh thần, học tập, thành đạt sự nghiệp của đứa con dường như quyết định cảm giác “làm bố, mẹ” của các cặp vợ chồng. Đây là một cuộc sống tinh thần rất lý tưởng, khi trong gia đình, vợ chồng thương yêu nhau và cùng chăm lo cho con cái và chính bản thân con cái lại góp phần nuôi dưỡng và nhân lên cái hạnh phúc ấy. Thế nhưng, không ít các cặp vợ chồng, cho là phải hi sinh cho con cái, sống vì con cái là chính mà quên đi hạnh phúc riêng của bản thân họ. Có nhất thiết phải như thế không? Gia đình là tế bào của xã hội, gia đình bền vững, xã hội ổn định. Tuy nhiên, gia đình chỉ thật sự bền vững khi nó là tổ ấm, còn nếu tồn tại mà không phải là tổ ấm mà là “tổ nhím” (thuật ngữ của cố bác sĩ Nguyễn Khắc Viện), liệu cái “tổ nhím” ấy sẽ tác hại ít hơn, bằng hay nhiều hơn nếu không còn là “tổ nhím” so với việc chia tay của bố mẹ? Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, xung đột hay sự lạnh lùng của cặp bố mẹ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của đứa con, nhưng một số tác giả khác lại cho rằng sự sống chung của bố mẹ dù không yên lành cũng không tác hại đến đứa con nhiều như khi họ chia tay nhau. Chúng tôi thiết nghĩ nên có các nghiên cứu cụ thể này trong xã hội Việt Nam để có hướng đi đối với các cặp vợ chồng không còn yêu nhau nữa, làm sao để dung hoà được hạnh phúc của họ với sự phát triển hài hoà của con cái. Điều này đòi hỏi mỗi người trong cuộc phải có tri thức, trách nhiệm và văn hoá.

Tài liệu tham khảo

1. Boussat Stéphan (1996). “*Con Rong, chau Tien*”. Contribution à une approche anthropologique en psychiatrie de l'enfant: à propos d'une expérience Vietnamiennne. Thèse pour le doctorat en médecine, Université de Méditerranée.

2. Đo Long (2000). *La jeunesse du Vietnam d'aujourd'hui - entre tradition et modernité*. Bulletin de l'AAFV, 34, p. 1-2.
3. Đỗ Long và Trần Hiệp (1993). *Tâm lý cộng đồng làng và di sản*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Lê Thi (1997). *Vai trò của gia đình trong việc hình thành nhân cách Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Mai Huy Bích (1987). *Lối sống gia đình Việt Nam ngày nay*. NXB Đất nước, Hà Nội.
6. Phùng Ngọc Hùng (1992). *Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai*. NXB Văn học, Hà Nội.
7. Trần Thị Thanh Hà (2000). *Kỳ vọng của bố mẹ về thành tích học tập của con cái học sinh phổ thông cơ sở và phổ thông trung học*. Tạp chí Tâm lý học, số 1, tr. 45 - 47.
8. Van Thi Kim Cuc (2001). *«Théories implicites» de l'enfant au Vietnam: Représentations parentales de l'Intelligence dans leurs rapports avec les identités sociales, les attitudes et les pratiques éducatives*. Thèse de doctorat de Psychologie, Université de Toulouse I, France.
9. Vu Thi Chin (1995). *La procréation et les soins à l'enfant dans la coutume vietnamienne*. Etudes Vietnamiennes, 3, 5 - 12.